

Số: 783 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 29 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2396/QĐ-ĐHV ngày 06/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh; Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy của Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 27/3/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học chính quy cho 209 sinh viên (danh sách kèm theo), trong đó:

TT	Ngành tốt nghiệp	Xếp loại				Tổng
		Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	
1	Báo chí		2	1		3
2	Chăn nuôi			3		3
3	Chính trị học				1	1
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử			8	1	9
5	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1	3	13	1	18
6	Công nghệ thông tin			3	8	11
7	Công nghệ thực phẩm		5	16		21
8	Giáo dục Mầm non		1	8	4	13
9	Giáo dục Quốc phòng – An ninh			1		1
10	Giáo dục Thể chất			1		1
11	Giáo dục Tiểu học			8		8
12	Kế toán	1	4	11	12	28
13	Kinh tế			2	5	7
14	Kinh tế xây dựng			1		1
15	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		1	2	4	7
16	Kỹ thuật xây dựng			3	4	7
17	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông			1		1
18	Luật			5	6	11
19	Luật kinh tế			4	4	8
20	Ngôn ngữ Anh		1	5	5	11
21	Nông học		1	2	1	4
22	Nuôi trồng thủy sản			1	1	2
23	Quản lý đất đai			2	1	3
24	Quản lý giáo dục		1	1		2
25	Quản lý nhà nước		1			1
26	Quản trị kinh doanh			3	5	8
27	Quản trị kinh doanh_CLC			2		2
28	Sư phạm Địa lý			2		2
29	Sư phạm Ngữ văn			1		1
30	Sư phạm Tiếng Anh			1		1
31	Sư phạm Toán học			2	1	3
32	Sư phạm Vật lý	1		2	1	4
33	Tài chính - Ngân hàng				3	3
34	Việt Nam học			2	1	3
Tổng		3	20	117	69	209

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Công tác Chính trị - Học sinh, sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị liên quan; Trưởng các trường, khoa, viện và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Lưu: HCTH, ĐT



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Kèm theo Quyết định số: **783** /QĐ-ĐHV ngày **29 / 8** /2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Hệ đào tạo
1	1755232010100032	HỒ VIỆT	LÊ	27/07/1999	Nữ	Khá	Báo chí	
2	18572202010115	TRẦN QUỐC	VUÔNG	20/10/1999	Nam	Giỏi	Báo chí	
3	18573201010010	TRẦN BẢO	YÊN	28/12/2000	Nữ	Giỏi	Báo chí	
4	1755262010500008	NGUYỄN THỊ	HIỀN	24/02/1999	Nữ	Khá	Chăn nuôi	
5	18576201050001	Nguyễn Đức	Bằng	29/08/2000	Nam	Khá	Chăn nuôi	
6	18576201050002	Nguyễn Đức Hoài	Linh	02/10/2000	Nam	Khá	Chăn nuôi	
7	1755231020140013	Khanthavong	Khounming	15/11/1996	Nam	Trung bình	Chính trị học	
8	145D5103010055	Nguyễn Văn	Đạt	02/09/1994	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
9	155D5103010046	BÙI VĂN	XUÂN	10/02/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
10	1755251030100064	NGUYỄN HỮU	CHIẾN	13/10/1999	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
11	1755251030100071	LÊ TIẾN	CÔNG	10/08/1999	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
12	1755251030100056	THÁI QUANG	SƠN	31/01/1999	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
13	1755251030100030	CAO VĂN	TÁ	05/12/1999	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
14	1755251030100026	Bùi Ngọc	Thành	08/08/1999	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
15	1755251030100072	Cao Trọng	Trưởng	25/04/1998	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
16	1755251030100059	NGUYỄN BÁ	ƯỚC	25/01/1999	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
17	18575102050028	TRẦN NGỌC	ANH	04/09/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
18	18575102050001	Ngô Xuân Anh	Đông	22/01/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
19	18575102050042	Hồ Ngọc	Hào	24/04/1999	Nam	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật ô tô	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Hệ đào tạo
20	18575102050031	ĐẶNG VĂN	HÂN	23/05/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
21	18575102050006	Nguyễn Văn	Hiệp	28/04/2000	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
22	18575102050026	NGUYỄN TRỌNG	HẢO	25/06/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
23	18575102050024	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	02/12/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
24	18575102050037	Dương Văn	Lâm	08/04/2000	Nam	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
25	18575102050021	HOÀNG THANH	LỘC	01/01/2000	Nam	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
26	18575102050035	ĐÌNH HOÀNG	LỤC	04/12/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
27	18575102050020	PHẠM NHẬT	TÂM	17/07/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
28	18575102050009	Nguyễn Nhật	Tân	24/07/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
29	18575102050019	VÕ ĐÌNH	THÀNH	28/02/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
30	18575102050044	Võ Đức	Thành	14/08/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
31	18575102050016	VÕ VĂN	THẮNG	23/03/2000	Nam	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
32	18575102050014	TRẦN ĐÌNH	THUYẾT	14/01/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
33	18575102050013	VÕ ĐÌNH	TÚ	16/05/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
34	18575102050029	ĐÌNH VĂN	VƯỢNG	17/12/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
35	155D4802010124	LÊ QUỐC	VIỆT	23/06/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
36	155D4802010118	ĐẬU NGỌC TRƯỜNG	GIANG	13/07/1996	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
37	155D4802010100	LÔ QUỐC	NGỌC	29/04/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
38	165TDV200466	BÙI ĐÌNH	THẮNG	04/08/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
39	1755248020100053	DƯƠNG ĐÌNH	NHẬT	20/12/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
40	1755248020106001	Hoàng Hữu Tấn	Phát	10/06/1999	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
41	1755248020100075	Phạm Đức	Mạnh	25/07/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
42	1755248020100088	VI VĂN	BẢY	24/03/1999	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
43	1755248020100079	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	10/01/1999	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Hệ đào tạo
44	1755248020100198	PHẠM VĂN	HOÀNG	16/10/1999	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
45	1755248020100131	Nguyễn Quốc	Trung	26/09/1999	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
46	1755254010100024	Nguyễn Quốc	Việt	01/03/1998	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm	
47	18575401010007	Nguyễn Tiến	Anh	16/09/2000	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm	
48	18575401010036	Đặng Thị	Giang	25/01/1999	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
49	18575401010011	Chu Thị Việt	Hằng	30/04/2000	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
50	18575401010005	Hoàng Thị	Huyền	10/02/1999	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
51	18575401010016	TRẦN THỊ	LÊ	06/10/2000	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	
52	18575401010012	HOÀNG THỊ	LINH	03/11/2000	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
53	18575401010002	Nguyễn Thị Trà	Mây	16/03/2000	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
54	18575401010013	NGÔ THỊ THỦY	NGÂN	03/03/2000	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
55	18575401010008	Nguyễn Thị	Ngọc	11/03/2000	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
56	18575401010009	Trần Đình	Nhật	22/08/2000	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm	
57	18575401010021	PHAN THỊ	PHƯƠNG	03/01/2000	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
58	18575401010029	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	10/05/2000	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
59	18575401010018	NGUYỄN THỊ	THẢO	14/01/2000	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
60	18575401010026	NGUYỄN THỊ THANH	THUY	15/05/2000	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	
61	18575401010010	Nguyễn Thị Linh	Thư	16/04/2000	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
62	18575401010003	Cao Thị Hà	Trang	28/09/2000	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
63	18575401010014	ĐẶNG THỊ THUY	VÂN	13/01/2000	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	
64	18575401010025	NGUYỄN THỊ	XINH	18/09/2000	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	
65	18575401010015	ĐINH THỊ	XOA	18/08/2000	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
66	18575401010017	HỒ THỊ MỸ	YÊN	28/03/2000	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	
67	155D1402011106	LƯU THỊ KIM	OANH	10/06/1997	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Hệ đào tạo
68	165D14020100115	LÊ KIỀU	ANH	20/01/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	
69	165D14020100173	TRƯƠNG THỊ	QUYÊN	08/06/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	
70	165D14020100016	NGUYỄN THỊ TÚ	LINH	02/09/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	
71	165D14020100081	LƯƠNG THỊ	LỊCH	15/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
72	18571402011076	VŨ Y	ĐẬU	15/04/2000	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
73	18571402011059	BÙI THỊ	THẨM	17/12/2000	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
74	18571402011104	TRẦN THỊ	ANH	19/04/2000	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
75	18571402011007	TRƯƠNG THỊ LINH	CHI	20/04/2000	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
76	18571402011038	ĐẬU THỊ THÙY	LINH	17/01/2000	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
77	18571402011041	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	25/09/2000	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
78	18571402011173	LÔ THỊ	NƯÔNG	15/07/2000	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
79	18571402011030	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	25/07/2000	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
80	18571402081009	PHẠM LÝ	ANH	14/10/2000	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	
81	18571402061001	NGUYỄN HỮU	TRUNG	12/09/2000	Nam	Khá	Giáo dục Thể chất	
82	18571402021069	PHẠM THUÝ	QUỲNH	14/09/2000	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
83	18571402021074	LANG TUÂN	CÔNG	28/10/2000	Nam	Khá	Giáo dục Tiểu học	
84	18571402021124	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	05/08/2000	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
85	18571402021157	VI THỊ	HẬU	28/01/2000	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
86	18571402021156	HOÀNG VĂN	MÍNH	05/11/2000	Nam	Khá	Giáo dục Tiểu học	
87	18571402021174	BÙI THỊ	NGA	18/10/2000	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
88	18571402021016	LÔ HỒNG	NGỌC	03/10/2000	Nam	Khá	Giáo dục Tiểu học	
89	18571402021013	KIM THỊ	SEN	19/12/1990	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
90	145D3403010126	Võ Thị	Dung	24/02/1996	Nữ	Trung bình	Kế toán	
91	145D3403010207	Lê Thị Khánh	Linh	30/09/1996	Nữ	Trung bình	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Hệ đào tạo
92	155D3403010234	NGUYỄN ANH	ĐỨC	06/06/1997	Nam	Trung bình	Kế toán	
93	165TDV100225	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	10/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
94	1755234030100024	BÙI SỸ	THÀNH	11/06/1999	Nam	Trung bình	Kế toán	
95	1755234030100077	NGUYỄN THỊ QUỲNH	QUYÊN	12/01/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
96	18573403010120	LÊ THỊ	TÚ	25/02/2000	Nữ	Trung bình	Kế toán	
97	18573403010371	LÊ THỊ THỦY	NGUYỄN	28/10/2000	Nữ	Khá	Kế toán	
98	18573403010349	NGÔ THỊ NHƯ	QUỲNH	01/09/2000	Nữ	Trung bình	Kế toán	
99	18573403010455	TRẦN THẾ	ANH	17/01/2000	Nam	Trung bình	Kế toán	
100	18573403010453	PHẠM THỊ	TRANG	01/04/2000	Nữ	Khá	Kế toán	
101	18573403010172	ĐẶNG HỒNG	VIỆT	24/07/2000	Nam	Trung bình	Kế toán	
102	18573403010572	Vũ Đình	Đạt	10/07/2000	Nam	Trung bình	Kế toán	
103	18573403010569	Tân Nguyễn Hoàng	Anh	17/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
104	18573403010088	Hồ Thị Ngọc	Loan	28/10/2000	Nữ	Trung bình	Kế toán	
105	18573403010061	Lê Thị	Quỳnh	12/10/2000	Nữ	Khá	Kế toán	
106	18573403010559	Đặng Thị Thúy	Xoan	06/10/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
107	176523403010020	Nguyễn Minh	Quân	28/07/1992	Nam	Khá	Kế toán	VB2
108	19573403010185	Trương Thị	Oanh	20/10/2001	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
109	2067340301VB2003	Nguyễn Thị	Bình	16/03/1987	Nữ	Khá	Kế toán	VB2
110	2067340301VB2011	Phan Thị	Hiền	28/10/1993	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB2
111	2067340301VB2006	Đinh Thị Kiều	Loan	08/08/1995	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB2
112	2067340301VB2007	Bùi Thị Thảo	Nguyên	30/12/1994	Nữ	Khá	Kế toán	VB2
113	2067340301VB2005	Phạm Thị	Phong	06/10/1988	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB2
114	2067340301VB2008	Nguyễn Thảo	Phương	03/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán	VB2
115	2067340301VB2013	Đặng Thị Hồng	Thương	30/08/1997	Nữ	Khá	Kế toán	VB2

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Hệ đào tạo
116	2067340301VB2004	Võ Thị Hoài	Thương	09/12/1994	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB2
117	2067340301VB2001	Lê Thị	Trang	04/03/1997	Nữ	Khá	Kế toán	VB2
118	145D3101010064	Lô Tuấn	Anh	19/05/1995	Nam	Trung bình	Kinh tế	
119	155D3101010011	CAO HƯƠNG	LY	10/06/1997	Nữ	Trung bình	Kinh tế	
120	1755231010100027	Văn Hoàng Quốc	Anh	27/08/1999	Nam	Trung bình	Kinh tế	
121	18573101010045	Lê Thị Hương	Giang	13/05/1999	Nữ	Trung bình	Kinh tế	
122	18573101010029	LƯƠNG QUANG	KHÁNH	26/09/2000	Nam	Trung bình	Kinh tế	
123	18573101010041	Nguyễn Huyền	Trang	20/10/2000	Nữ	Khá	Kinh tế	
124	18573101010028	HỒ THỊ	TRÂM	10/01/2000	Nữ	Khá	Kinh tế	
125	18575803010006	ĐINH THÀNH	VINH	13/04/2000	Nam	Khá	Kinh tế xây dựng	
126	145D5202160013	Trình Văn	Sáng	08/03/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
127	155D5202160063	NGUYỄN ĐỨC	LINH	25/04/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
128	165TDV200427	NGUYỄN THẾ	HIẾU	18/09/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
129	1755252021600045	Nguyễn Bá	Hoàng	17/11/1999	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
130	1755252021600052	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	18/04/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
131	1755252021606001	Nguyễn Ngọc	Phú	19/05/1998	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
132	1755252021600039	PHẠM TRỌNG	THÀNH	04/05/1999	Nam	Giỏi	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
133	135D5802080037	Lê Đình	Hậu	07/06/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
134	155D5802080024	PHAN ĐÌNH	QUÂN	15/12/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
135	155D5802080124	PHẠM BÁ	KHIÊM	17/09/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
136	165TDV200108	NGUYỄN VĂN	BÁCH	25/10/1998	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
137	165TDV200036	DƯƠNG BÁ TÙNG	LÂM	08/01/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
138	1755258020800069	NGUYỄN TRUNG	BÁ	03/06/1999	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
139	1755258020800065	LÊ TIỀN	HẢI	11/10/1999	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Hệ đào tạo
140	1755258020506001	Lê Công	Bình	03/05/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
141	135D3801010290	Lương Văn	Khăm	15/07/1994	Nam	Trung bình	Luật	
142	155D3801010260	BÙI THỊ TRÀ	MY	18/12/1997	Nữ	Khá	Luật	
143	165TDV400287	LÊ MINH	HIẾU	17/05/1998	Nam	Trung bình	Luật	
144	165TDV400312	VI THỊ KIM	CHI	14/08/1998	Nữ	Trung bình	Luật	
145	1755238010100120	NGUYỄN SỸ TUẤN	BẢO	07/01/1999	Nam	Trung bình	Luật	
146	1755238010100167	ĐẶNG VŨ	HIỆP	06/01/1999	Nam	Trung bình	Luật	
147	18573801010047	NGUYỄN TRUNG	CẦU	28/09/2000	Nam	Trung bình	Luật	
148	18573801010035	HỒ Y	XIA	18/01/2000	Nữ	Khá	Luật	
149	18573801010018	Đậu Quang	Thịnh	26/12/1999	Nam	Khá	Luật	
150	2067380101VB2009	Hoàng Lê	Hà	01/01/1979	Nữ	Khá	Luật	VB2
151	2067380101VB2035	Lê Võ	Sỹ	02/05/1984	Nam	Khá	Luật	VB2
152	155D3801070216	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	10/02/1997	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế	
153	165TDV400159	NGUYỄN HOÀI	LINH	10/05/1998	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế	
154	155D3801070149	LÔ THÙY	TRANG	15/05/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
155	165TDV400554	QUÁCH MAI	LINH	10/06/1998	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế	
156	165TDV400070	TRẦN TUẤN	ANH	02/01/1998	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
157	18573801070001	Phùng Thị Kim	Anh	23/06/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
158	18573801070056	VÕ THÙY	LINH	20/04/2000	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
159	18573801070029	BÙI THỊ THÚY	MƯỜI	25/08/2000	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
160	18572202015001	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	01/04/1995	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
161	1755222020100172	NGUYỄN DUY	NGUYỄN	19/03/1999	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh	
162	18572202010160	VƯƠNG THỊ	DIỄM	05/10/2000	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
163	18572202010150	LÊ THỊ	NGỌC	12/06/2000	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Hệ đào tạo
164	18572202010065	NGUYỄN MAI	HƯƠNG	18/10/2000	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
165	18572202010224	Trần Thị	Dung	25/06/2000	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
166	18572202010212	ĐỖ THỊ	CẨM	05/01/2000	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
167	18572202010027	Nguyễn Thị	Huyền	06/12/2000	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
168	18572202010108	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	09/10/2000	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
169	18572202010003	Nguyễn Thị Thu	Thủy	29/09/2000	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
170	18573403010038	Trần Phương	Uyên	09/09/1999	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
171	1755262010900005	Nguyễn Xuân	Duy	15/04/1999	Nam	Trung bình	Nông học	
172	18576201090025	Phạm Văn	Dân	26/08/2000	Nam	Giỏi	Nông học	
173	18576201090002	Nguyễn Văn	Thức	25/07/2000	Nam	Khá	Nông học	
174	18576201090012	Và Bá	Thương	01/06/2000	Nam	Khá	Nông học	
175	165TDV300018	Nguyễn Thảo	Tuyền	13/11/1998	Nữ	Khá	Nuôi trồng thủy sản	
176	18576203010017	Đinh Ngọc	Dũng	21/04/2000	Nam	Trung bình	Nuôi trồng thủy sản	
177	155D8501030038	Lương Văn	Hào	07/03/1994	Nam	Trung bình	Quản lý đất đai	
178	18578501030005	Lô Biên	Thùy	22/07/2000	Nữ	Khá	Quản lý đất đai	
179	18578501030008	Vi Thái	Tuấn	04/07/2000	Nam	Khá	Quản lý đất đai	
180	18571401140011	VÕ THỊ	HIỀN	08/11/2000	Nữ	Giỏi	Quản lý giáo dục	
181	18571401140021	Nguyễn Thị	Hoài	09/04/2000	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục	
182	18573102050002	MOONG VĂN	MUU	29/09/2000	Nam	Giỏi	Quản lý nhà nước	
183	145D3401010066	Đinh Anh	Đức	10/07/1993	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
184	155D3401010027	NGUYỄN THẾ	NGUYỄN	24/07/1997	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh	
185	165TDV100595	LÊ THỊ HỒNG	LIÊN	18/03/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
186	1755234010100155	Đậu Phan Vinh	Hải	04/09/1999	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
187	1755234010100148	Nguyễn Thị Hoài	Trình	02/07/1999	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Hệ đào tạo
188	1755234010100097	NGHIÊM	THỊ HỒNG NGÁT	03/12/1999	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
189	18573401010005	Trần	Đức Tuyên	01/06/2000	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh	
190	18573401010064	LANG	VƯƠNG HOÀNG	19/06/2000	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
191	1755234010100101	NGUYỄN	THỊ TRÂM ANH	01/06/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh_CLC	
192	1755234010100139	Nguyễn	Đình Bình	20/02/1998	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh_CLC	
193	165TDV600329	HỒ	THỊ LÊ BÌNH	03/03/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý	
194	1755214021910009	Lê	Thị Ngọc Ánh	28/10/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý	
195	18571402171022	LƯU	THỊ THẢO NGỌC	28/12/2000	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
196	18571402311049	BÙI	NHẬT MINH	19/12/2000	Nam	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
197	1755214020910012	LÊ	THỊ THUỶ TRANG	05/09/1999	Nữ	Trung bình	Sư phạm Toán học	
198	18571402096001	Phan	Lê Đạt	20/07/1999	Nam	Khá	Sư phạm Toán học	
199	18571402091017	NGUYỄN	THỊ THỦY TRANG	29/01/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
200	155D1402111074	NGUYỄN	THỊ NGỌC ANH	19/05/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Vật lý	
201	155D1402111069	NGUYỄN	QUANG TRƯỜNG	06/01/1997	Nam	Trung bình	Sư phạm Vật lý	
202	155D1402111072	NGUYỄN	THỊ THU HUYỀN	18/04/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Vật lý	
203	1755214021110007	NGUYỄN	CHÍ BẢO	25/02/1999	Nam	Xuất sắc	Sư phạm Vật lý	
204	17552340201_100004	NGUYỄN	ĐÌNH QUÂN	20/11/1999	Nam	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
205	18573402010023	ĐƯỜNG	BẠCH MINH HOÀNG	07/10/2000	Nam	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
206	18573402014078	CHANTHAMEXAY	Tick	10/06/1999	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
207	18573106300088	ĐẶNG	THỊ SEN	22/09/2000	Nữ	Khá	Việt Nam học	
208	18573106300090	VI	ĐÌNH QUANG NHẬT	03/01/2000	Nam	Trung bình	Việt Nam học	
209	18573106300067	ĐẬU	VĂN TỔNG	28/10/2000	Nam	Khá	Việt Nam học	

Danh sách trên có 209 sinh viên tốt nghiệp./.